

Bản án số: **24/2023/HS-PT**

Ngày: 13- 3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Liên**

Ông **Phạm Tấn Hoàng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 404/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L về các tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Thị Ngọc A

Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1979; tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nguyên là Chuyên viên Văn phòng đăng ký đất đai quận S; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Duy A và bà Trần Thị B; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 26-8-2020, đến ngày 22-3-2021 được tại ngoại. Có mặt.

2. Đào Thị Như L

Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1979; tại Đà Nẵng; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Minh H và bà Tống Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 26/8/2022. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị Ngọc A:* Ông Nguyễn Lê V, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV N, thuộc Đoàn Luật sư TP. Đà Nẵng, bào chữa cho Dương Thị Ngọc A. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Thị Như L:*

1. Bà Lê Thị Hồng T, Luật sư Công ty Luật TNHH L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư TP.Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến T, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, bào chữa cho Đào Thị Như L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị hại có kháng cáo:* Ông Phạm T; sinh năm 1967; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Phan Văn H, Luật sư – Văn phòng luật sư HL N – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bị hại: Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1965; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bị hại bà Lê Thị H có nhiều đơn kiến nghị đề nghị hủy án trả hồ sơ điều tra lại theo hướng xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Kim C.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L:

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S, thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng hoạt động theo Quy chế làm việc Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 31-12-2019 của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng, bao gồm: Thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tham mưu giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và đăng ký biến động đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trong phạm vi địa bàn quản lý; kiểm tra điều kiện đăng ký; thẩm tra, chuẩn bị hồ sơ đề trình cơ quan có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; xác nhận nội dung thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp đăng ký biến động không phải cấp Giấy chứng nhận mới; ... Quy

trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S được thực hiện theo quy định tại Quyết định số: 317/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Dương Thị Ngọc A được tuyển dụng làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S với nhiệm vụ được phân công là kiểm tra, xử lý, cập nhật thông tin biến động vào cơ sở dữ liệu hồ sơ chuyển quyền toàn bộ (giai đoạn 1) và chuyển thuê hồ sơ; gia hạn tiến độ sử dụng đất; điều chỉnh mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất; theo dõi văn bản đi; báo cáo định kỳ về danh sách người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam; cung cấp thông tin về đất đai cho các tổ chức có liên quan.

Khoảng tháng 04/2020, do cần tiền trả nợ cá nhân, Dương Thị Ngọc A lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao đã lấy 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (Sau đây viết tắt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của người dân nộp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đưa cho Đào Thị Như L để nhờ L thế chấp vay cho 01 tỷ đồng; A nói với L là khi đến hạn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì A sẽ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới để L đổi lấy lại giấy cũ rồi đưa lại cho A.

Thời điểm này, Đào Thị Như L đã vay tiền của nhiều tổ chức tín dụng và cá nhân mà không có khả năng trả, bị áp lực đòi nợ từ người cho vay ngoài xã hội, nên nói với Dương Thị Ngọc A tiếp tục đưa cho L các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để L đưa cho các chủ nợ nhằm giãn nợ, để kéo dài thời gian qua giai đoạn khủng hoảng bất động sản. Do vậy, A tiếp tục nhiều lần lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đưa cho L mượn; lần ít nhất lấy 01 giấy và lần nhiều nhất lấy 05 giấy. Đến tháng 8/2020, khi vụ việc bị phát hiện thì tổng số 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A đưa cho L đang bị các chủ nợ của L quản lý, chiếm giữ.

Theo báo cáo của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng tại Công văn số: 324/BC-VPĐKĐĐ ngày 13-10-2020 thì tổng cộng 25 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ liên quan được tiếp nhận xử lý tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S bị mất. Trong đó có 17 trường hợp bị mất bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 08 trường hợp mất bản gốc cùng các hồ sơ liên quan. Quá trình điều tra xác định được trong số 25 giấy bị mất thì có 19 giấy bị Dương Thị Ngọc A lấy đưa cho Đào Thị Như L, còn 05 giấy cùng hồ sơ gốc do A làm thất lạc trong quá trình làm việc và 01 giấy cùng hồ sơ gốc do bà Nguyễn Thị Minh H là nhân viên của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S làm thất lạc trong quá trình làm việc.

Sau khi nhận báo cáo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành làm việc với những người có liên quan và đã thu giữ được 22 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong số này có 19 giấy do Dương Thị Ngọc A lấy tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S đưa cho Đào Thị Như L. Sự việc này làm Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S trả kết

quả giải quyết hồ sơ cho các công dân có liên quan trễ hạn từ 05 đến 40 ngày làm việc so với quy định. Đến ngày 09-9-2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S phải phát hành 14 thư xin lỗi đến các công dân, tổ chức do giải quyết trễ hạn thủ tục hành chính. Riêng các công dân còn lại, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính, thuế sẽ tiếp tục được giải quyết hồ sơ theo quy định.

2. Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đào Thị Như L: Từ tháng 01 đến tháng 7-2020, Đào Thị Như L có hành vi đưa thông tin gian dối để nhận tiền đặt cọc chuyển nhượng các thửa đất hoặc tự ý sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A đưa cho người khác nói là tài sản của mình chưa sang tên để làm tin, qua đó nhận và chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền là 41,4 tỷ đồng, cụ thể như sau:

2.1. Chiếm đoạt của bà Phạm Quỳnh Thu T số tiền 13 tỷ đồng: Biệt thự có diện tích đất 319,7m² tại địa chỉ 49 đường H, KDC mới phường B, quận N, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là biệt thự 49 đường H) do Đào Thị Như L đứng tên chủ sở hữu. Ngày 17-9-2018, L đã dùng biệt thự này thế chấp cho Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng) để vay số tiền 35 tỷ đồng.

Đầu năm 2020, L đã rao bán biệt thự 49 đường H; rồi thông qua ông Lê Trọng P môi giới, ngày 30-01-2020 L ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng biệt thự 49 đường H cho bà Phạm Quỳnh Thu T với giá 28 tỷ đồng và nhận tiền đặt cọc của bà T 02 tỷ đồng; L cam kết 30 ngày sau sẽ ra Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà T. Sau đó, ngày 05-02-2020 bà T tiếp tục thanh toán cho L 03 tỷ đồng theo thỏa thuận đặt cọc. Tuy nhiên, sau khi nhận của bà T 05 tỷ đồng thì L không thanh lý hợp đồng thế chấp biệt thự 49 đường H với Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng mà chiếm đoạt số tiền này, sử dụng trả nợ cá nhân rồi hứa hẹn xin bà T gia hạn ra Công chứng nhiều lần, nhưng không thực hiện cam kết.

Trong thời gian này, Đào Thị Như L còn chào bán cho bà Phạm Quỳnh Thu T thửa đất diện tích 527,3m² tại địa chỉ lô 6+37 đường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là thửa đất 6+37 T); thửa đất 6+37 T là tài sản của L, nhưng nhờ em ruột là Đào Duy Đ đứng tên và đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Y - Chi nhánh Y, Thành phố Hà Nội để vay số tiền 65 tỷ đồng.

Ngày 29-5-2020, L nói Đ ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng thửa đất 6+37 T cho ông Lê Trọng P (bà Phạm Quỳnh Thu T nhờ ông P đại diện ký) với giá 52,730 tỷ đồng và nhận tiền đặt cọc 08 tỷ đồng; thỏa thuận đến ngày 29-6-2020, bà T giao đủ tiền và hai bên ra Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên, sau đó L không thanh lý hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Y-Y, Thành phố Hà Nội mà chiếm đoạt 08 tỷ đồng của bà T, sử dụng để trả nợ cá nhân.

2.2. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Hoài H và bà Lê Thị H số tiền 13 tỷ đồng: Thửa đất diện tích 693,3m² tại địa chỉ 05B đường Q, phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây viết tắt là thửa đất 05B Q) là tài sản của Đào Thị Như L, nhưng nhờ Trần Kim C đứng tên và đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng để vay số tiền 27 tỷ đồng. Sau đó, L mất khả

năng thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng nên ngày 20-02-2020, L đã chỉ đạo C ký biên bản bàn giao thửa đất 05B Q cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng bán đấu giá, để thu hồi nợ vay cho ngân hàng.

Thông qua giới thiệu của ông Lê Thành là Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng, ngày 26-02-2020 L cùng với C đến thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất 05B Q cho vợ chồng ông Nguyễn Hoài H, bà Lê Thị H với giá 24.265.500.000 đồng và nhận đặt cọc của ông H, bà H 07 tỷ đồng; ngoài ra, 02 bên còn cam kết đến ngày 26-3-2020, L có trách nhiệm bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển đổi mục đích đất ở để ký hợp đồng công chứng sang tên cho ông H, bà H và được nhận số tiền chuyển nhượng đất còn lại.

Đến ngày 08-4-2020, L gặp và lấy thêm được của ông H, bà H 03 tỷ đồng với lý do cần thêm tiền để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 05B Q từ Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng để làm thủ tục ra Công chứng cho ông H, bà H và để ông, bà thêm tin tưởng thì L đã viết Giấy mượn số tiền 03 tỷ đồng nói trên cũng như để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A, nhưng L nói dối đây là tài sản của L nhờ người khác đứng tên.

Tiếp sau đó, ngày 04-6-2020, L sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A đến nói đây là tài sản của L nhờ người khác đứng tên và thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoài H với giá 03 tỷ đồng, rồi chiếm đoạt luôn số tiền này của ông H. T bộ số tiền chiếm đoạt của ông H, bà H thì L đem sử dụng trả nợ cá nhân chứ không thanh toán khoản nào cho ngân hàng.

2.3. Chiếm đoạt của ông Phạm T số tiền 13,4 tỷ đồng: Mặc dù đã ký hợp đồng và nhận tiền cọc của bà Phạm Quỳnh Thu T để chuyển nhượng biệt thự 49 đường H như nói trên, nhưng ngày 08-5-2020, Đào Thị Như L tiếp tục thỏa thuận ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phạm T biệt thự 49 đường H với giá 30 tỷ đồng. Từ ngày 08-5-2020 đến ngày 01-6-2020, L đã nhận tiền thanh toán của ông T 13,4 tỷ đồng, rồi chiếm đoạt số tiền này sử dụng trả nợ cá nhân hết.

2.4. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Quốc P số tiền 01 tỷ đồng: Ngày 21-7-2020, Đào Thị Như L đến gặp ông Nguyễn Quốc Phú thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A và nói đây là tài sản của L mua, nhưng chưa sang tên để vay ông P 01 tỷ đồng, cam kết trả lại trong hạn 30 ngày; ngoài ra L còn hứa hẹn sẽ mua lại căn nhà của ông P tại 68 đường P với giá cao. Ông P tin tưởng giao tiền cho L, rồi bị L chiếm đoạt sử dụng trả nợ cá nhân không có khả năng hoàn trả.

2.5. Chiếm đoạt của bà Hồ Minh T số tiền 01 tỷ đồng: Vào ngày 29-7-2020, Đào Thị Như L gặp bà Hồ Minh T hỏi vay số tiền 01 tỷ đồng; để tạo niềm tin, L nói có lô đất là tài sản của L nhờ người khác đứng tên, rồi đưa cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ Dương Thị Ngọc A làm tài sản đảm bảo để vay 01 tỷ của T và cam kết trả lại tiền gốc và lãi trong vòng 08 ngày. Bà T

tin tưởng đưa tiền cho L, rồi bị L chiếm đoạt sử dụng trả nợ cá nhân không có khả năng hoàn trả.

3. Về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của Đào Thị Như L: Từ ngày 26 đến 31-3-2020, ông Phạm T cho Đào Thị Như L vay tổng cộng 40 tỷ đồng, với lãi suất 05%/ tháng và thời hạn vay là 30 ngày; khi nhận tiền vay thì ông T trừ trước 01 tháng tiền lãi. Do đến hạn nhưng không có tiền trả nợ vay nên đến ngày 08-5-2020, ông T gây áp lực để L ký vào “Hợp đồng thỏa thuận về việc đặt cọc mua bán bất động sản”, với tài sản là 03 lô đất thuộc khu nhà hàng dọc tuyến S – Đ, thuộc phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng với giá 150 tỷ đồng, đặt cọc 50 tỷ đồng để gán nợ. Thực chất không có việc giao nhận tiền như các điều khoản của Hợp đồng quy định, mà số tiền đặt cọc 50 tỷ đồng là tiền L nợ ông T chuyển qua.

Đối với 03 lô đất thuộc khu nhà hàng dọc tuyến S – Đ thì Đào Thị Như L đang thế chấp cho Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng vay số tiền rất lớn, nhưng L nói với ông T là chỉ vay 75 tỷ đồng với mục đích để ông T không gây áp lực và có thời gian thu xếp trả nợ. Tiếp tục để tạo niềm tin với ông T thì L đã tìm thông tin trên mạng internet, rồi liên hệ với 01 thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đưa cho người này 01 mẫu văn bản thỏa thuận của Ngân hàng X - Chi nhánh Đà Nẵng, rồi nói người này chỉnh sửa, làm giả nội dung: “Văn bản thỏa thuận ba bên V/v chuyển nhượng tài sản, số 01/062020/VBTT ngày .../06/2020; có hình dấu của Ngân hàng X Chi nhánh TP. Đà Nẵng; có hình dấu tên, chức danh, chữ ký của Giám đốc Trần Ngọc A”. Khi nhận được văn bản giả này thì L khai trả cho người thanh niên 500.000 đồng; sau đó, L ký vào mục bên thế chấp tài sản và đưa cho em trai là Đào Duy Đ ký tên vào dưới chữ ký của L rồi đưa cho ông T giữ. Đến ngày 27-8-2020, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của ông Phạm T đã thu giữ được văn bản này.

Kết luận giám định số 115/GĐ-TL ngày 23-10-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, như sau:

- Hình dấu có nội dung “Ngân hàng X Chi nhánh TP. Đà Nẵng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 đóng ra (được in ra).

- Hình dấu tên, dấu chức danh có nội dung “Giám đốc Trần Ngọc A” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 đóng ra (được in ra).

- Chữ ký mang tên Trần Ngọc A trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Ngọc A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Đào Thị Như L và chữ viết có nội dung “Đào Thị Như L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Đào Thị Như L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M8 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký mang tên Đào Duy Đ và chữ viết có nội dung “Đào Duy Đ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Đào Duy Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M9 đến M10 do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 26-8-2020, Đào Thị Như L ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đà Nẵng.

Vật chứng thu giữ:

- Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở và nơi làm việc của Đào Thị Như L, tạm giữ tài liệu, đồ vật theo Biên bản khám xét ngày 26/8/2020 và Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu ngày 27/8/2020, gồm: 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 1”, gồm 86 tờ, được đánh số từ 01 đến 86; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 2”, gồm 88 tờ, được đánh số từ 87 đến 174; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 3”, gồm 103 tờ, được đánh số từ 175 đến 277; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 4”, gồm 04 tờ, được đánh số từ 278 đến 281; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 5”, gồm 03 tờ, được đánh số từ 282 đến 284; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 6”, gồm 02 tờ, được đánh số từ 285 đến 286; 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 7”, gồm 03 tờ, được đánh số từ 287 đến 289; 01 cuốn sổ màu đỏ đậm bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 8”, gồm 03 tờ, được đánh số từ 290 đến 292; 01 cuốn sổ màu đỏ, ngoài bìa có ghi “Chị H của đỏ”, gồm 02 tờ, được đánh số từ 293 đến 294; 01 cuốn sổ màu đỏ, ngoài bìa có ghi “Chị Bông”, gồm 02 tờ, được đánh số từ 295 đến 296; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 01”, gồm 12 tờ, được đánh số từ 297 đến 308; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 02”, gồm 10 tờ, được đánh số từ 309 đến 318; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 03”, gồm 09 tờ, được đánh số từ 319 đến 327; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 04”, gồm 13 tờ, được đánh số từ 328 đến 340; 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung “Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 05”, gồm 22 tờ, được đánh số từ 341 đến 361; 01 sổ cầm tay màu đen, gồm 24 tờ, được đánh số từ 362 đến 385; 173 tờ tài liệu được đánh số từ 386 đến 558; 79 tờ tài liệu được đánh số từ 559 đến 637; 30 tờ tài liệu được đánh số từ 638 đến 667; 113 tờ tài liệu được đánh số từ 668 đến 780; 01 quyển “P án kiến trúc”, gồm 35 tờ được đánh số từ 781 đến 815; 25 tờ tài liệu được đánh số từ 816 đến 840; 84 tờ tài liệu được đánh số từ 841 đến 924; 187 tờ tài liệu được đánh số từ 925 đến 1111; 09 tờ tài liệu được đánh số từ 1112 đến 1120;

- Ngày 26/8/2020, Đào Thị Như L tự nguyện giao nộp 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, Imei: 353914100323745, Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong, tạm giữ theo quy định pháp luật.

- Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của ông Phạm T, tạm giữ tài liệu, đồ vật theo Biên bản khám xét ngày 27/8/2020, Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu ngày 29/8/2020 và ngày 31/8/2020, gồm: 01 Văn bản thỏa thuận ba bên về việc chuyển nhượng tài sản số 01/062020/VBTT ngày .../6/2020, gồm 02 tờ, được đánh số từ 101 đến 102 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 001602 do UBND quận S cấp ngày 25/01/2008 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 906852 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2016 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104352 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/3/2009 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 001601 do UBND quận S cấp ngày 25/01/2008 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 874111 do UBND quận S cấp ngày 23/01/2019 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 798941 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/5/2018 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 601563 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/6/2011 (Bản gốc); 01 Giấy nhận tiền cọc bán đất ngày 24/4/2020, đề tên Đào Thị Như L (được đánh số 103 - Bản gốc); 01 Biên bản xác nhận tiền vay ngày 06/5/2020 (được đánh số 104 - Bản gốc); 01 Hợp đồng thỏa thuận việc đặt cọc mua bán bất động sản ngày 08/5/2020 (gồm 05 tờ, được đánh số từ 105 đến 109 - Bản gốc); 01 Giấy chứng minh nhân dân số 201242559 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/12/2010, đề tên Nguyễn An V (Bản gốc); 01 Hộ chiếu số B7647175 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 15/3/2013, đề tên Đào Thị Như L (Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền ngày 26/3/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 112 - Bản gốc); 01 Tài liệu, đề ngày 27/3/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 113 - Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền 31/3/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 114 - Bản gốc); 01 Giấy mua bán quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đề tên Đào Thị Như L (gồm 02 tờ, được đánh số 115 đến 115/1 - Bản gốc); 01 Giấy nhận tiền cọc bán đất ngày 24/4/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 110 - Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 111 - Bản gốc); 01 Tài liệu, đề ngày 16/6/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 116 - Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền ngày 08/6/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 117 - Bản gốc); 01 Tài liệu, đề ngày 01/6/2020, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 118 - Bản gốc); 01 Hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 08/5/2020, đề tên Đào Thị Như L, Phạm T (gồm 01 tờ, được đánh số 119 - Bản gốc); 01 Giấy xác nhận tiền cọc bán tài sản ngày 05/8/2020, đề tên Đào Thị Như L (được đánh số 02 đến 03 - Bản gốc); 01 Giấy cam kết bán đất để trả nợ, đề tên Đào Thị Như L (gồm 01 tờ, được đánh số 01 - Bản gốc); 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 8, màu trắng; 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn

tạm giữ nhiều tài liệu, đồ vật khác nhưng không liên quan đến việc giải quyết vụ án, đã được trả lại cho ông Phạm T theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 31/8/2020 (BL.1039) và trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ C theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/7/2021(BL.1047 đến 1052).

- Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của ông Nguyễn Quốc P, tạm giữ tài liệu, đồ vật theo Biên bản khám xét ngày 27/8/2020 và Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu ngày 28/8/2020, gồm: 01 Giấy mượn tiền ngày 18/6/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 01 tỷ đồng; 01 Giấy mượn tiền, ngày 24/6/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 500 triệu đồng; 01 Giấy cho mượn tiền, ngày 15/7/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 900 triệu đồng; 01 Giấy mượn tiền, ngày 20/7/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 5.516.500.000 đồng; 01 Giấy mượn tiền, ngày 21/7/2020, đứng tên Đào Thị Như L, số tiền 01 tỷ đồng; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 874256, đứng tên Đào Thị Như L (Bản sao); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 483893. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ các tài liệu, đồ vật khác nhưng không liên quan đến vụ án, nên đã được trả lại cho ông Nguyễn Quốc P theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/11/2020 (BL.1331) và trả lại cho ông Phan Duy T theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/10/2020 (BL.1333).

- Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của bà Phùng Thị Minh Phượng, tạm giữ tài liệu, đồ vật theo Biên bản khám xét ngày 27/8/2020 và Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu ngày 01/9/2020, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 201358, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2018; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 855942, do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2020; 01 Giấy viết tay mượn tiền, ghi ngày 08/4/2020, ghi tên Đào Thị Như L mượn của bà Phùng Thị Minh P số tiền 06 tỷ đồng; 01 Giấy viết tay ghi ngày 02/7/2020, thể hiện nội dung “L đổi 02 sổ CR 855942 và CP 915196, lấy lại 1 sổ”; 01 Giấy viết tay ghi ngày 10/7/2020, thể hiện Hà Đại nhận giúp L 1,5 tỷ đồng.

- Ngày 26/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Nguyễn Vũ Xuân A giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 855948 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/5/2020, số vào sổ cấp GCN: CH01539; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 005259 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/7/2020, số vào sổ cấp GCN: CH01827; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO767777 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/11/2009, số vào sổ cấp GCN: H11235; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 729374 do UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/4/2014, số vào sổ cấp GCN: CTs 35801; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 487330 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/6/2004, số vào sổ cấp GCN: 0014709; 01 Giấy mượn tiền đề ngày 22/6/2020, ghi tên Đào Thị Như L.

- Ngày 27-28/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Nguyễn Thị N tự nguyện giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 855661 do UBND quận S cấp ngày 10/3/2020 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 863998 do Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/9/2019 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 892188 do UBND quận S cấp ngày 12/3/2019 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 185410 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2012 (Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền ngày 03/7/2020 (thể hiện Lạmuon của bà Nguyễn Thị N 2,6 tỷ đồng); 01 Giấy mượn tiền ngày 29/6/2020 (thể hiện L mượn của bà Nguyễn Thị N 02 tỷ đồng); 01 Giấy mượn tiền ngày 08/6/2020 (thể hiện L mượn của bà Nguyễn Thị N 1,8 tỷ đồng); 01 Giấy mượn tiền ngày 05/6/2020 (thể hiện L mượn của bà Nguyễn Thị N 3,16 tỷ đồng); 01 Giấy mượn tiền ngày 22/5/2020 (thể hiện Lạmuon của bà Nguyễn Thị N 3,1 tỷ đồng).

- Ngày 09/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Phạm Quỳnh Thu T tự nguyện giao nộp, gồm: 01 Giấy cam kết ngày 20/7/2020, đề tên Đào Thị Như L, cam kết với bà Ngô Thị T H (Bản gốc); 01 Giấy nộp tiền mặt ngày 29/5/2020, đề tên Nguyễn Thị Ngọc A - Đào Thị Như L, số tiền 08 tỷ đồng (Bản gốc); 01 Giấy nộp tiền ngày 03/3/2020, đề tên Trương Phong P, Công ty TNHH MTV L, số tiền 20 tỷ (Bản sao); 01 Ủy nhiệm chi ngày 22/01/2020, đề tên Trương Thị Trúc V - Đào Thị Như L, số tiền 10 tỷ đồng (Bản chính); 01 Ủy nhiệm chi ngày 05/02/2020, đề tên Nguyễn Thị Ngọc A - Đào Thị Như L, số tiền 03 tỷ đồng (Bản gốc); 01 Ủy nhiệm chi ngày 05/02/2020, đề tên Nguyễn Thị Ngọc A - Lê Trọng P, số tiền 2,042 tỷ đồng (Bản gốc); 01 Hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất (lô đất số sổ BN189544, thửa số 500, tờ bản đồ số 25, địa chỉ 242-244 H, thành phố Đà Nẵng), ngày 22/01/2020 giữa Đào Thị Như L với Lê Trọng P (Bản gốc); 01 Hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất (lô đất số sổ CR863250, thửa số 363, tờ bản đồ số 45, địa chỉ Lô 6+37 T, thành phố Đà Nẵng), ngày 29/5/2020 giữa Đào Duy H với Lê Trọng P (Bản gốc); 01 Hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất (lô đất số sổ CO160292, thửa số 14, tờ bản đồ số 49, địa chỉ Lô 49 đường H, thành phố Đà Nẵng), ngày 30/01/2020, giữa Đào Thị Như L với Lê Trọng P (Bản gốc); 02 Tài liệu đề ngày 12/6/2020, ngày 14/7/2020, có chữ ký của Đào Thị Như L (Bản gốc).

- Ngày 28/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Hồ Minh T tự nguyện giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 693544 do UBND quận S cấp ngày 22/01/2009 (Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền đề ngày 29/7/2020 ghi tên Đào Thị Như L.

- Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu do bà Lê Thị H giao nộp, gồm: 01 Giấy bán đất ngày 26/02/2020 giữa bà Đào Thị Như L, ông Trần Kim C và bà Lê Thị H (Bản gốc); 01 Hợp đồng đặt cọc ngày 26/02/2020 ký tại Văn phòng công chứng Trần Công

Minh (Bản gốc); 01 Giấy mượn tiền ngày 08/4/2020 ghi tên Đào Thị Như L (Bản gốc); 01 Giấy bán đất ngày 04/6/2020 giữa bà Đào Thị Như L và bà Lê Thị H (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 521770, số vào sổ CH00313 (Bản sao); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645823, số vào sổ CT 01735 (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 719441, số vào sổ CTs 149289 (Bản gốc).

- Ngày 11/9/2020 và ngày 29/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành tạm giữ tài liệu, đồ vật do Trần Kim C giao nộp, gồm: 12 Đĩa CD-R được đánh số thứ tự từ 1 đến 12, chứa nội dung dữ liệu âm thanh, hình ảnh, trên đĩa có ghi chú thích nội dung và chữ ký, họ tên của người giao nộp là Trần Kim C. Cụ thể: Đĩa số 1 đề “16.07.2020 bà Chi; bà T đến 127 HTK gặp L”, trong đĩa chứa nội dung hai file video (đuôi mp4), một file dung lượng 76.749KB, một file dung lượng 18.665KB; Đĩa số 2 đề “13.8.2020 bà Hòa, bà T đến 127 HTK”, trong đĩa chứa nội dung hai file, một file video (đuôi mp4) dung lượng 116.204KB, một file âm thanh (đuôi wav) dung lượng 32.785KB; Đĩa số 3 đề “bà H gọi điện cho C để đòi tiền”, trong đĩa chứa nội dung một file âm thanh (đuôi wav), dung lượng 2.607KB; Đĩa số 4 đề “bà H đến công ty chủ chị L để đòi nợ”, trong đĩa chứa nội dung một file âm thanh (đuôi m4a), dung lượng 1.574KB; Đĩa số 5 đề “ông T gọi C đặt cọc A15 Royal Era”, trong đĩa chứa nội dung một file âm thanh (đuôi wav), dung lượng 1.618KB; Đĩa số 6 đề “ông T, T, bà Khuyên, chị L nói chuyện trả nợ”, trong đĩa chứa nội dung một file âm thanh (đuôi m4a), dung lượng 51.325KB; Từ đĩa số 7 đến 12 đề “22.8.2020, T gọi người đến 127 HTK”, trong đĩa số 7 chứa hai file mp4 dung lượng lần lượt là 136.419KB, 7.744KB; đĩa số 8 chứa một file mp4 dung lượng 114.432KB; đĩa số 9 chứa một file mp4 dung lượng 16.062KB; đĩa số 10 chứa một file mp4 dung lượng 170.093KB; đĩa số 11 chứa một file mp4 dung lượng 63.376KB; đĩa số 12 chứa một file mp4 dung lượng 29.093KB. 01 Bản sao Biên bản giao tài sản bảo đảm ngày 20/02/2020; 01 Bản sao Hợp đồng đặt cọc mua bán đất đề ngày 29/04/2020, bên nhận đặt cọc Trần Kim T, Trần Kim C, bên đặt cọc Nguyễn T.

Trong quá trình điều tra, ngày 22-01-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Lệnh kê biên 03 tài sản sau của Đào Thị Như L:

- Thửa đất tại địa chỉ lô 6+37 đường T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 863250 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30-7-2019; số vào sổ cấp GCN: CTs 191665, đứng tên Đào Duy Đ;

- Thửa đất tại địa chỉ 05B đường Q, phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 521770 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27-7-2011; số vào sổ cấp GCN: CH 00313, đứng tên Trần Kim C;

- Nhà đất tại địa chỉ lô 49 đường H, KDC mới B phường Mỹ An, quận N, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số CO 160292 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14-9-2018; số vào sổ cấp GCN: CTs 169602, đứng tên Đào Thị Như L.

Về bồi thường thiệt hại: Ngày 27-01-2022, gia đình của Đào Thị Như L đã nộp số tiền 50 triệu đồng vào Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo Biên lai thu tiền số 0001744 ngày 27-01-2022 để bồi thường một phần cho các bị hại.

Quá trình điều tra, các bị cáo Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Bản cáo trạng số: 43/VKS-P2 ngày 05-5-2022, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố Dương Thị Ngọc A về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự; truy tố Đào Thị Như L về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Với nội dung như trên

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 356; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Ngọc A phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Ngọc A 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam 06 (sáu) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày; bị cáo còn phải thụ hình 04 (bốn) năm 11 (mười một) tháng 04 (bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 356; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đào Thị Như L phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Đào Thị Như L 05 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Đào Thị Như L phải thi hành là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2020.

Ngoài ra HĐXX còn tuyên án phí HSST, án phí DS-ST, phạt tiền, bồi thường thiệt hại, kê biên tài sản để bảo đảm thi hành án, xử lý tang tài vật... và các quyết định có liên quan, cũng như các kiến nghị của HĐXX.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, các bị cáo Dương Thị Ngọc A, Đào Thị Như L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25 tháng 08 năm 2022, bị hại Phạm T có đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, do bỏ lọt người phạm tội và tội danh đối với bị cáo L.

Người bị hại: Vợ chồng bà Lê Thị H có nhiều đơn kháng cáo trễ hạn, khiếu nại nhiều lần đề nghị Hủy án sơ thẩm về hình phạt cũng như các tội danh liên quan đến bị cáo Đào Thị Như L điều tra xử lý đối với ông Trần Kim C với vai trò là đồng phạm giúp sức cho Đào Thị Như L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 29 tháng 08 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A, hủy bỏ phần kiến nghị về xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Kim C.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm.

1. Về tính hợp pháp của kháng cáo của bị cáo và bị hại: Các bị cáo Đào Thị Như L, Dương Thị Ngọc A; người bị hại Phạm T đã kháng cáo đúng chủ thể, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo, người bị hại Phạm T là hợp pháp. Đối kháng cáo bị hại bà Lê Thị H dù trễ hạn nhưng có căn cứ nên cũng cần xem xét.

2. Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A và hủy bỏ phần kiến nghị về xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Kim C. Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

3. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Dương Thị Ngọc A. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” và xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù (trong khung hình phạt từ 05 đến 10 năm tù) là phù hợp, không nặng. Bị cáo Dương Thị Ngọc A xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

4. Đối với, kháng cáo của người bị hại Phạm T và những người bị hại không kháng cáo như bà Phạm Quỳnh Thu T và vợ chồng ông Nguyễn Hoài H có nhiều đơn khiếu nại, xét thấy quá trình điều tra có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên đề nghị HĐXX vẫn xem xét,

Đào Thị Như L, **Đào Duy Đ và Trần Kim C.** Dù rằng **Đào Duy Đ và Trần Kim C** đứng tên nhiều GCNQSDD Đ đã ký vào 02 Hợp đồng thế chấp giả, vay ngân hàng 50 tỷ đồng và Văn bản thỏa thuận 3 bên giả để đưa cho ông T. Vì vậy, Đào Duy Đ có vai trò giúp sức tích cực cho L phạm tội.

Đối với Trần Kim C đứng tên chủ sở hữu Lô đất số 05B Q, TP. Đà Nẵng. ký giấy tờ để L nhận và chiếm đoạt số tiền 07 tỷ đồng của vợ chồng Nguyễn Hoài H - Lê Thị H.

Mặt khác dù đã thế chấp 03 lô đất ven biển cho ngân hàng Agribank để vay hơn 270 tỷ đồng nhưng nói dối ông T là chỉ vay 75 tỷ đồng, sau đó tiếp tục làm giả “Văn bản thỏa thuận ba bên” số 01/062020/VBTT ngày... 06/2020 và ghi số tiền để giải chấp là 75 tỷ đồng cho phù hợp với 03 hợp đồng đặt cọc làm giả đã giao cho ông T. Sau đó thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T 150 tỷ đồng để mục đích là chiếm đoạt tiền cọc của ông T 50 tỷ đồng; Như vậy L đã có dấu hiệu phạm 02 tội, đó là Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 40 tỷ đồng và Lừa đảo chiếm đoạt 10 tỷ đồng của ông Phạm T. Ngoài ra, chỉ trong thời gian ngắn L chiếm đoạt và sử dụng được số lượng tiền lớn trong thời gian xảy ra đại dịch Covid 19. Vậy số lượng hơn 1.500 tỷ đồng đi đâu ? L sử dụng vào mục đích gì ? chưa được làm rõ, xét thấy có dấu hiệu của tội rửa tiền và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ nên cần phải chấp nhận kháng cáo của người bị hại hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại do **Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.**

Từ những phân tích nêu trên, Đề nghị HĐXX:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của VKS thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Thị Ngọc A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận kháng cáo của người bị hại Phạm T; hủy một phần bản án sơ thẩm về các tội danh cũng như hình phạt của bị cáo L để điều tra lại với những nội dung như trên.

Không xét kháng cáo của bị cáo Đào Thị Như L, do đề nghị hủy án.

Những người bị hại không kháng cáo là Phạm Quỳnh Thu T và vợ chồng ông Nguyễn Hoài H, nhưng xét thấy có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên đề nghị vẫn xét; do bị cáo Đào Thị Như L đã tuyên mức án cao nhất là Chung thân nên việc hủy một phần bản án sơ thẩm đối với L cũng không làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

Đối với kiến nghị của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và kiến nghị của bà Lê Thị H xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Kim C theo thẩm quyền .

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đào Thị Như L cho rằng Bị cáo L có nhiều thành tích trong công tác cũng như có nhiều đóng góp cho địa phương đã được ghi nhận và khen tặng; hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Đề nghị xem xét các tình tiết và nguyên nhân phạm tội của bị cáo, tuyên cho bị cáo mức án có thời hạn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Phạm T cho rằng trong tổng số tiền 72 tỷ đồng mà ông T đưa cho bị cáo Đào Thị Như L thì chỉ có 05 tỷ đầu tiên là tiền ông T cho bị cáo vay; số còn lại là tiền bị cáo nhận từ ông T thông qua các giao dịch chuyển nhượng bất động sản; cùng với việc bị cáo đã bị vỡ nợ từ tháng 01-2020, nên cần phải xem xét toàn bộ số tiền nhận từ ông T khi

bị cáo đã vỡ nợ là tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của ông Phạm T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả hồ sơ điều tra bổ sung để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt từ ông T và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người liên quan khác trong vụ án và xem xét thêm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ kháng nghị, Vì vậy; HĐXX cấp phúc thẩm Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc tăng hình phạt với bị cáo Dương Thị Ngọc A.

[2]. Xét kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Thị Ngọc A thì thấy. Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận. Từ khoảng tháng 4/2020 đến cuối tháng 8/2020, Dương Thị Ngọc A công tác tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cá nhân, tổ chức nộp vào làm thủ tục, Dương Thị Ngọc A đã bàn bạc với Đào Thị Như L lấy 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho L mang đi cầm cố thế chấp vay tiền về sử dụng cá nhân; ngoài ra, L còn tự ý sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi nói trên của các bị cáo A và L đã phạm vào tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, quy định tại Điều 356 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ đúng tội. Xét thấy; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” Với mức án 05 năm 06 tháng tù (trong khung hình phạt từ 05 đến 10 năm tù) là phù hợp, không nặng. Bị cáo Dương Thị Ngọc A xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[2.1] Xét kháng cáo của người bị hại ông Phạm T, vợ chồng bà Lê Thị H đề nghị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Kim C, Đào Duy Đ và nội dung kiến nghị của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì thấy:

Thửa đất diện tích 693,3m² tại địa chỉ 05B đường Q, phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng là tài sản của bị cáo Đào Thị Như L nhờ Trần Kim C đứng tên và đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng vay số tiền 27 tỷ đồng. Do mất khả năng thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng nên L đã chỉ đạo C, ký biên bản bàn giao thửa đất này cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng bán đấu giá, để thu hồi nợ vay cho ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 26-02-2020 bị cáo cùng với C thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất này cho vợ chồng

ông Nguyễn Hoài H, bà Lê Thị H với giá 24.265.500.000 đồng và nhận đặt cọc của ông H, bà H 07 tỷ đồng. Đến ngày 08-4-2020, bị cáo gặp và lấy thêm được của ông H, bà H 03 tỷ đồng với lý do cần thêm tiền để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 05B Q từ Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đà Nẵng để làm thủ tục ra Công chứng cho ông H, bà H. Bị cáo đã viết Giấy mượn số tiền 03 tỷ đồng nói trên và để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ bị cáo A cho ông H, bà H để làm tin. Đến ngày 04-6-2020, bị cáo tiếp tục sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn từ bị cáo A đến nói đây là tài sản của L nhờ người khác đứng tên và thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoài H với giá 03 tỷ đồng, rồi chiếm đoạt luôn số tiền này của ông H. T bộ số tiền chiếm đoạt của ông H, bà H thì L đem sử dụng trả nợ cá nhân chứ không thanh toán khoản nào cho ngân hàng. Như vậy có đủ cơ sở để xác định Trần Kim C biết rõ việc mình đứng tên dùm tài sản cho bị cáo L, biết rõ tài sản đã được thế chấp và bàn giao cho Ngân hàng để xử lý khoản nợ vay nhưng cùng bị cáo L đến gặp ông H, bà H để thỏa thuận chuyển nhượng, nhận tiền, mà không nộp số tiền nhận cọc cũng như các khoản tiền khác cho Ngân hàng là có vai trò đồng phạm với bị cáo L trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H, bà H.

[2.2] Đối với Đào Duy Đ đã ký văn bản thỏa thuận ba bên v/v chuyển nhượng tài sản số 01/062020 tháng 6/2020; Ngoài ra, Đào Duy Đ còn đứng tên GCNQSDĐ thửa 6+37 đường T đã thế chấp cho Ngân Hàng TMCP để vay 65 tỷ đồng, nhưng sau đó ngày 29/5/2020 Đ tiếp tục ký hợp đồng Đặt cọc bán lô 6+37 cho ông Lê Trọng P người được bà T ủy nhiệm với giá 52,730 tỷ đồng và nhận cọc 8 tỷ đồng lấy tiền tiêu xài...Như vậy có đủ cơ sở để xác định Đào Duy Đ cũng có vai trò giúp sức cho bị cáo L trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[3] Tại phiên tòa hôm nay Đại diện VKS cho rằng; Đào Thị Như L đã thế chấp 03 lô đất ven biển cho ngân hàng Agribank để vay hơn 270 tỷ đồng nhưng nói dối ông T là chỉ vay 75 tỷ đồng, sau đó tiếp tục làm giả “Văn bản thỏa thuận ba bên” số 01/062020/VBTT ngày /06/2020 và ghi số tiền để giải chấp là 75 tỷ đồng cho phù hợp với 03 hợp đồng đặt cọc làm giả đã giao cho ông T. Sau đó thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T 150 tỷ đồng để mục đích là chiếm đoạt tiền cọc của ông T 50 tỷ đồng; Như vậy L đã có dấu hiệu phạm 02 tội, đó là Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản số tiền 40 tỷ đồng và Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10 tỷ đồng của ông Phạm T. Mặt khác; chỉ trong thời gian ngắn L chiếm đoạt và sử dụng được số lượng tiền lớn trong thời gian xảy ra đại dịch Covid 19. Vậy số lượng hơn 1.500 tỷ đồng đi đâu ? lệ sử dụng vào mục đích gì ? chưa được làm rõ. Vì vậy, có dấu hiệu của tội rửa tiền và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ, nên cần phải chấp nhận kháng cáo của người bị hại và đề nghị của Viện kiểm sát, hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại có hay không tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

[3.1] Xét thấy: Hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Đào Thị Như L có mối quan hệ logic cần phải được điều tra có hệ thống mới xử lý triệt để vụ án. *Quá trình điều tra truy tố . Tòa cấp sơ*

thẩm đã trả điều tra bổ sung nhưng cơ quan điều tra chưa tiến hành điều tra hoặc điều tra không đầy đủ, là bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội.

Vì vậy; Tòa án cấp phúc thẩm không thể điều tra bổ sung tại phiên tòa được; cần phải hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm về các tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; Tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo Đào Thị Như L và phần hình phạt để điều tra và thu hồi tài sản phạm tội, phân hóa vai trò trách nhiệm hình sự của từng người, xem xét vai trò đồng phạm và nghĩa vụ bồi thường những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời xác định vai trò của Giám đốc Ngân hàng trong các Văn bản thỏa thuận ba bên mà Đào Thị Như L sử dụng để phạm tội.

Từ những phân tích nhận định nêu trên HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện VKS tại phiên Tòa. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về các tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đào Thị Như lệ, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng để điều tra làm rõ các nội dung nêu trên, theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự. Lỗi hủy án trọng trường hợp này là khách quan không thuộc về cấp sơ thẩm.

Do hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nên không xét kháng cáo của bị cáo Đào Thị Như L.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo Dương Thị Ngọc A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đào Thị Như L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Ngọc A, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 356; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Ngọc A phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Xử phạt bị cáo Dương Thị Ngọc A 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam 06 (sáu) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày; bị cáo còn phải thụ hình 04 (bốn) năm 11 (mười một) tháng 04 (bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Phạm T và vợ chồng bà Lê Thị H, ông Nguyễn Hoài H.

Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và hình phạt của bị cáo Đào Thị Như L. Giao hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Thị Ngọc A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đào Thị Như L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP. Đà Nẵng ;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tồn